Tên: ……..

Lớp: S5…

Ngày làm bài: Thứ ...., ngày ..../....

Nghe: …..

GLOBAL ENGLISH 5

Unit 3: Places - Vocabulary 1 & KET Listening

❖ **Mẹo 1: Gạch dưới từ khóa (Underline keywords)**

Trước khi nghe, hãy đọc kỹ câu hỏi và gạch dưới các từ quan trọng để tập trung khi nghe.

🔍 **Ví dụ:**

Câu hỏi: **Who** will **go to the cinema with Lee**?

Khi nghe, hãy tập trung vào xác định ai là người sẽ đi xem phim với Lee, bỏ qua các chi tiết khác.

❖ **Mẹo 2: Chú ý bẫy trong bài nghe (Watch out for traps)**

Trong khi nghe, hãy lưu ý những yếu tố dễ gây hiểu nhầm như:

• **Thông tin bị thay đổi:** Thường có 2–3 mốc thời gian hoặc lựa chọn, nhưng cần nghe kỹ để chọn đáp án đúng.

• **Câu phủ định:** Nếu nghe thấy *can't*, *don't*, *not*, hãy loại bỏ thông tin đi kèm ngay sau đó.

• **Từ khóa báo hiệu thay đổi:** Từ như *but*, *actually*, *so*, *in the end* thường xuất hiện ngay trước đáp án đúng.

🔍 **Ví dụ:**

Câu hỏi: **Who** will **go to the cinema with Lee**?

A. his friend Sarah

B. his friends from basketball

Bài nghe:

B: I wanted to ask Sarah and her brother **but** as **he's sick**, **they wouldn't come** – so there'll be **three of us from my basketball team** and you.

Bẫy: Mặc dù Lee nói về việc mời Sarah và anh trai cô ấy, nhưng anh trai cô ấy không thể tham gia do bị ốm. Lee xác nhận sẽ **có 3 người bạn từ đội bóng rổ đi** cùng.

❖ **Extra vocabulary**

No.	New word	Meaning	No.	New word	Meaning
1	**would rather + V**	thích…hơn / muốn…hơn	3	**unfortunately** (adv)	thật không may, đáng tiếc
2	**plenty of + N**	nhiều, vô số			

❖ ***Note*:** *N = noun: danh từ; V = verb: động từ; adv = adverb: trạng từ.*

❖ Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

LIVEWORKSHEETS

CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

Con làm bài nghe theo link sau:

https://soundcloud.com/ms-chi-english/succeed-in-a2-key_test-1_part-3

❖ Pre-listening

Listen to the conversation between Lee and Paula about going to the cinema, then decide if each statement is True or False based on the information in the conversation.

0. Lee has already asked Sarah to go to the cinema.	*True*	*(False)*
1. Lee and Paula are going to the cinema with Lee's friends from the basketball team.	True	False
2. Lee got the free tickets from a school friend who won them in a competition.	True	False
3. They will get free ice cream and chocolate at the cinema.	True	False
4. Lee wants to watch Mandy Down's funny movie.	True	False
5. Paula suggests meeting at 6:30 PM before the 7:30 film.	True	False

❖ Listening

PART 3 Questions 11-15

For each question, choose the correct answer.

You will hear Lee talking to his friend Paula about going to the cinema.

11. Who will go to the cinema with Lee?
    A. his friend Sarah and Paula
    B. his friends from basketball and Paula

12. Where did Lee get the tickets?
    A. A friend from school gave them to him.
    B. He won them in a competition.

13. What do they have to pay for?
    A. snacks
    B. sweets

14. They are going to see
    A. a film about two people in love.
    B. a film by Mandy Down.

15. What time does Paula think they should meet?
    A. an hour before the film
    B. half an hour before the film

LIVEWORKSHEETS

Tên: ……..

Lớp: S5…

Ngày giao bài: Thứ ....., ngày ...../.....

Ngày nộp bài: Thứ ....., ngày ...../.....

Từ vựng & Ngữ pháp: …..

Nghe: …..

Mini test: …..

GLOBAL ENGLISH 5

Unit 3: Places - Vocabulary 1 & KET Listening

A. VOCABULARY

❖ **Descriptive adjectives**

No.	New word	Meaning	No.	New word	Meaning
1	**magical** (adj)	kỳ diệu, thần kỳ	6	**exciting** (adj)	hấp dẫn, thú vị
2	**scary-looking** (adj)	trông đáng sợ	7	**exotic** (adj)	ngoại lai, kỳ lạ
3	**enchanting** (adj)	mê hoặc, quyến rũ	8	**curved** (adj)	uốn cong, cong tròn
4	**mysterious** (adj)	bí ẩn, khó đoán	9	**peaceful** (adj)	yên bình
5	**incredible** (adj)	khó tin, tuyệt vời			

❖ **Others**

No.	New word	Meaning	No.	New word	Meaning
1	**optical illusion** (n)	áo giác, ảo ảnh thị giác	2	**sketch** (v)	phác họa (thường dùng trong bài học vẽ)

❖ **Extra vocabulary**

No.	New word	Meaning	No.	New word	Meaning
1	**take up** (phr.v)	bắt đầu một hoạt động (sở thích, thói quen) mới	3	**take a while** (phr)	mất một lúc/khoảng thời gian
2	**trick** (n)	mẹo, thủ thuật	4	**work on** (phr.v)	luyện tập, dành thời gian làm gì

❖ ***Note**: n = noun: danh từ; v = verb: động từ; phr.v = phrasal verb: cụm động từ; phr = phrase: cụm từ; adj = adjective: tính từ.*

❖ Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

B. HOMEWORK

I. Match each word with its correct meaning.

~~*0. magical*~~	A. calm and quiet, without noise or problems
1. scary-looking	B. unusual and interesting, often from another country
2. enchanting	C. very beautiful or attractive
3. exotic	D. looking frightening or dangerous
4. curved	E. having a round shape
5. peaceful	~~*F. very special, like magic*~~

Your answer:

0 - F	1 - ___	2 - ___	3 - ___	4 - ___	5 - ___

LIVEWORKSHEETS

II. Mia went to a magical garden one morning. The six paragraphs are mixed up. Number them 1–6 to make a complete story.

—	A. Next, she took a small notebook and started to sketch the flowers and the birds she had just seen.
—	B. Finally, Mia felt happy. The garden was very exciting. She returned home with good memories.
—	C. While sketching, she noticed a scary-looking tree nearby. An owl was sitting on a branch. It looked peaceful.
—	D. After that, Mia walked to a quiet pond. A mysterious butterfly flew above the water. She thought it was incredible.
1	*E. First, Mia went to a magical garden. She saw many exotic flowers and colourful birds.*
—	F. She watched the butterfly carefully. Its wings looked exotic, with many colorful circles that made a small optical illusion.

III. Read the sentences below. All sentences are False. Change ONE word in each sentence to make it correct according to the story in Exercise II.

0. Mia went to a boring garden.

→ *Mia went to a magical garden.*

1. Mia sketched the trees and birds she had just seen.

→ _____.

2. The owl she saw was scary.

→ _____.

3. Mia thought the butterfly was ordinary.

→ _____.

4. The butterfly had plain wings.

→ _____.

5. Mia felt sad when she left the garden.

→ _____.

IV. Fill in the blanks with the correct form of the verbs using PRESENT SIMPLE.

*0. My father drinks **(drink)** coffee every morning.*

1. She _____ **(not play)** the piano on weekends.
2. _____ they _____ **(study)** English every day?
3. Tom _____ **(wash)** his car on Saturdays.
4. We _____ **(not watch)** TV in the afternoon.
5. _____ your brother _____ **(like)** pizza?

LIVEWORKSHEETS

CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

Con làm bài nghe theo link sau:

https://soundcloud.com/ms-chi-english/cambridge-primary-checkpoint_april-2018_part-2

Part 2

Questions 6 – 10

You will hear a girl called Tina talking to her friend Ben about piano lessons.

For each question, circle the correct answer A, B or C.

---

6. Which day does Tina have her piano lesson?

A. Monday

B. Tuesday

C. Friday

7. What is the most difficult thing for Tina?

A. playing quickly enough

B. reading the music

C. playing the right notes

8. Tina tells Ben that her teacher is very

A. busy.

B. funny.

C. young.

9. What advice does Tina give Ben about learn the piano?

A. Use an easy beginner's book.

B. Watch lessons on the internet.

C. Try to play songs you know.

10. How will Tina help Ben?

A. by taking him to a piano concert

B. by practising with him

C. by lending him an instrument

LIVEWORKSHEETS

Con làm bài nghe theo link sau:

https://soundcloud.com/ms-chi-english/cambridge-primary-checkpoint_april-2018_part-3

❖ **Pre-listening**

You will hear an interview on local radio with a girl called Holly Wright, who is talking about the sport of BMX biking.

For each statement, circle True if the statement is correct, or False if it is incorrect.

0. Holly usually rides a mountain bike.	*(True)*	*False*
1. The BMX bike Holly first borrowed was heavier than her mountain bike.	True	False
2. Holly's dad bought her a brand-new BMX bike.	True	False
3. Holly painted her BMX bike purple.	True	False
4. The BMX coach asked children and parents to help build a BMX park.	True	False
5. Holly said she could do the "truck stand" trick perfectly the first time.	True	False

❖ **Listening**

Part 3

Questions 11 – 15

Listen again. For each question, circle the correct answer A, B.

11. When Holly first borrowed a BMX bike, she found

A. it was too heavy for her.

B. it was smaller than she expected.

12. What does Holly say about the bike her dad bought for her?

A. The brakes were difficult to use.

B. She changed its colour.

13. BMX biking became popular in Holly's town because a coach

A. helped to get a new BMX park.

B. set up a BMX club for young people.

14. What advice did the coach give Holly about BMX biking?

A. Stay close to the ground.

B. Look ahead to the next jump.

15. How did Holly feel when she learnt a difficult trick?

A. pleased she managed it after only a few tries.

B. keen to show it to her friends.

LIVEWORKSHEETS